

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **261/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 30/7/2018

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Bàng Thị L và anh Đặng Văn H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26/6/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Bàng Thị L (Bàng Thị B), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H), sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt;
anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bàng Thị L (Bàng Thị B) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) có thời gian tìm hiểu, tự do yêu đương. Khi kết hôn cả hai hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, được sự nhất trí của hai bên gia đình, kết hôn có cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 23/12/2002. Sau khi kết hôn cả hai cùng về chung sống với gia đình anh H tại thôn V, xã T, huyện S. Nhưng chỉ được khoảng 01 tháng vợ chồng đã thấy có nhiều điểm không hợp nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, nên đến đầu

năm 2003 chị L (B) bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn H, xã N, huyện S sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị L (B) xác định tình cảm vợ chồng không còn, mối quan hệ hôn nhân không thể níu kéo. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H).

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định chị và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) đến để giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương tiến hành xác minh nơi cư trú của anh H, kết quả xác minh thể hiện anh H là công dân cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh H đi làm ở khu vực chân núi TĐ thuộc địa phận tỉnh VP, sáng đi tối mới về, cũng có lúc đi một hai ngày mới về, cũng có ngày nghỉ ở nhà. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh H vẫn cố ý không đến Tòa án để giải quyết việc chị L (B) xin ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) thể hiện, chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) có quan hệ vợ chồng hợp pháp, chị L (B) và anh H kết hôn tháng 12/2002, sau khi kết hôn cùng về chung sống với gia đình anh H. Nhưng chỉ được khoảng 01 tháng không biết vì lý do gì mà chị L (B) bỏ về nhà mẹ đẻ sống, không chung sống cùng với anh H nữa. Chị L (B) và anh H không có con chung; không có tài sản, đất đai chung; vay nợ chung giữa chị L (B) và anh H địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) được ly hôn với anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H). Về quan hệ con chung; quan hệ tài sản, đất đai chung; quan hệ vay nợ chung chị L (B) đều xác nhận không có, không xem xét giải quyết; Chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi chung sống không hòa thuận, vợ chồng không có cùng quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị L (B) đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2003 đến nay, chị L (B) và anh H hoàn toàn sống ly thân, không có sự gắn kết, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) là xử cho chị L (B) được ly hôn với anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H).

[2] Về con chung: Chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) xác định hai vợ chồng không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con chung giữa chị L (B) và anh H.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H): Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị L (B) và anh H, cũng như đã niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh H vắng mặt là cố ý trốn tránh việc giải quyết ly hôn, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục niêm yết và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên cố tình vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị L (Bàn Thị B) được ly hôn với anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H).

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bàng Thị L (Bàng Thị B) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0005866 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) không phải nộp án phí.

Chị Bàng Thị L (Bàng Thị B) và anh Đặng Văn H (Đặng Xuân H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THA dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thanh Huyền